

# ẢNH HƯỞNG CỦA HOẠT ĐỘNG NHÓM TRONG GIỜ HỌC NÓI ĐẾN MỨC ĐỘ THAM GIA CỦA SINH VIÊN: TRƯỜNG HỢP SINH VIÊN TIẾNG ANH CHUYÊN NGỮ NĂM 1 TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ, ĐẠI HỌC HUẾ

Võ Thị Thủy Chung<sup>1</sup>

**Tóm tắt:** Tiếng Anh được xem là ngôn ngữ thông dụng và phổ biến nhất thế giới hiện nay. Đặc biệt, tiếng Anh luôn được xem là môn học bắt buộc và có mặt trong tất cả các chương trình đào tạo, cũng như các kỳ thi ở Việt Nam. Tuy nhiên, khả năng tiếng Anh của sinh viên sau khi ra trường nhìn chung vẫn chưa tốt, đặc biệt là kỹ năng nói. Nghiên cứu này khảo sát ứng dụng hoạt động nhóm trong giờ học kỹ năng nói và xem xét các tác động của những hoạt động này lên mức độ tham gia của sinh viên Khoa Tiếng Anh, Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại Học Huế. Dữ liệu dùng cho nghiên cứu được thu thập từ phiếu khảo sát và quan sát lớp học. Kết quả nghiên cứu cho thấy giảng viên đã cố gắng áp dụng cách phân công nhiệm vụ và làm việc nhóm cho sinh viên. Tuy nhiên, sinh viên chưa thật sự yêu thích làm việc nhóm, hiệu quả làm việc nhóm chưa cao, mức độ tham gia của sinh viên trong thảo luận nhóm chưa đồng đều. Kết quả nghiên cứu cũng gợi mở một số vấn đề trong việc áp dụng hình thức dạy và học theo nhóm, từ đó làm cơ sở cho những đề xuất đối với học phần nói áp dụng tại cơ sở đào tạo và các cơ sở tương đương khác.

**Từ khóa:** Kỹ năng nói, tiếng Anh, Hoạt động nhóm, Sinh viên năm 1.

## 1. Mở đầu

Trong hơn bốn thập niên qua, từ khi mục tiêu phát triển kỹ năng sử dụng ngôn ngữ và kỹ năng giao tiếp bằng ngôn ngữ được nhấn mạnh trong việc dạy và học tiếng Anh, kỹ năng nói tiếng Anh trở thành vấn đề quan tâm của nhiều công trình nghiên cứu có giá trị ứng dụng. Nuraini (2016) đã chỉ ra các trở ngại trong dạy nói tiếng Anh như một ngoại ngữ cho sinh viên, bao gồm ảnh hưởng của tiếng mẹ đẻ, động cơ học tập, tuổi tác, mật độ tiếp xúc với ngôn ngữ cũng như bối cảnh lớp học. Bouzar (2019) nghiên cứu các vấn đề dạy kỹ năng nói tiếng Anh liên quan đến sửa lỗi văn nói và nâng cao nhận thức của người học. Tuy nhiên, các nghiên cứu chưa đề cập đến ứng dụng các hoạt động nhóm trong giờ học nói nhằm cải thiện và nâng cao kỹ năng nói tiếng Anh cho sinh viên chuyên ngữ, đặc biệt là sinh viên năm 1. Vì thế, nghiên cứu này được thực hiện nhằm mục đích khảo sát các mức độ tác động của hoạt động nhóm trong dạy và học kỹ năng nói tiếng Anh của sinh viên tiếng Anh chuyên ngữ năm thứ nhất tại trường Đại học Ngoại Ngữ, Đại Học Huế. Bài viết tập trung tìm hiểu câu trả lời cho câu hỏi nghiên cứu: Ứng dụng hoạt động nhóm trong giờ học nói ảnh hưởng như thế nào đến động lực và hiệu quả học kỹ năng nói tiếng Anh của sinh viên tiếng Anh chuyên ngữ năm nhất tại Trường Đại học Ngoại Ngữ, Đại Học Huế?

Nghiên cứu này hy vọng sẽ đóng góp một góc nhìn mới trong việc cải tiến chất lượng giảng dạy học tập kỹ năng nói tiếng Anh nói chung, và đặc biệt cho đối tượng sinh viên tiếng Anh chuyên ngữ năm thứ nhất nói riêng tại Trường Đại Học Ngoại Ngữ, Đại học Huế

---

1. ThS, Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Huế.

(ĐHNN, ĐHH) và những cơ sở đào tạo có chương trình tương tự.

## 2. Cơ sở lý luận

Như nhà ngôn ngữ học Khamkhen (2012) phát biểu, nói là một trong những kỹ năng quan trọng nhất khi học một ngoại ngữ, trong đó có tiếng Anh. Bygate (1987) nhận xét rằng kỹ năng nói là một trong những kỹ năng mang tính phản xạ, giúp người học sử dụng được ngoại ngữ nhằm mục đích bày tỏ ý kiến, suy nghĩ và cảm xúc với người đối diện, hoặc người nghe. Hơn thế nữa, kỹ năng nói cũng góp phần củng cố thêm kỹ năng nghe của người học, giúp tăng cường vốn từ vựng và luyện tập các kỹ năng có liên quan. Chính vì vậy, rất nhiều sinh viên Việt Nam nói chung, và sinh viên ĐHNN, ĐHH nói riêng, khi học tiếng Anh đều mong muốn được học tập và thực hành nhiều để nâng cao kỹ năng nói, giúp ích cho học tập và việc làm trong tương lai. Từ những nhu cầu thiết thực trên, việc xây dựng một giờ học nói sôi nổi tạo hứng thú cho sinh viên mạnh dạn trình bày quan điểm luôn là mục tiêu cần đạt được đối với các giảng viên dạy ngoại ngữ. Mục tiêu cuối cùng là nhằm giúp sinh viên học tập kỹ năng nói một cách hiệu quả, tự tin đáp ứng được yêu cầu làm việc sau khi ra trường.

### 2.1. Khái niệm dạy học theo nhóm

Dạy học hợp tác theo nhóm là một phương pháp tích cực, phát huy tính năng động sáng tạo giao tiếp và hợp tác của sinh viên. Đây là một hình thức tổ chức dạy học trong đó có sự điều khiển, hướng dẫn của giảng viên, lớp học được chia ra làm nhiều nhóm nhỏ liên kết lại với nhau trong một hoạt động chung. Với phương thức tương tác của các thành viên, bằng trí tuệ tập thể, sinh viên sẽ thực hiện, hoàn thành nhiệm vụ được giao. Phương pháp học này ngày càng trở nên phổ biến ở các cấp học và ngành học, đặc biệt là trong các lớp học ngoại ngữ.

Một số nhà giáo dục trên thế giới dùng những thuật ngữ khác nhau như *hợp tác* (cooperative), *cộng tác* (collaborative), hoặc *làm việc nhóm* (group work) để cùng chỉ hình thức dạy học này. Slavin (2011) dùng thuật ngữ *học hợp tác* (cooperative learning) với ý nghĩa là “phương pháp giảng dạy trong đó giảng viên tổ chức sinh viên (SV) học theo từng nhóm nhỏ, làm việc cùng nhau nhằm giúp đỡ nhau học hỏi nội dung học tập” (tr. 344). Johnson and Johnson (1990) cũng sử dụng thuật ngữ này với nghĩa là “việc sử dụng các nhóm nhỏ để SV làm việc với nhau nhằm tối đa hóa việc học của mình và của các thành viên trong nhóm” (tr. 69). Gokhale (1995) lại sử dụng thuật ngữ *học cộng tác* (collaborative learning), coi đây là “một phương pháp dạy học trong đó SV ở nhiều trình độ khác nhau làm việc cùng nhau trong những nhóm nhỏ để cùng đạt một mục đích chung” (tr. 22).

Tại Việt Nam, tác giả Nguyễn Thị Hồng Nam (2006) dùng thuật ngữ *học cộng tác* và cho rằng học hợp tác là một hình thức tổ chức dạy học trong đó các nhóm học sinh (HS) cùng nhau giải quyết các nhiệm vụ học tập do giáo viên (GV) nêu ra, từ đó rút ra bài học dưới sự hướng dẫn của GV. Hình thức học tập này đòi hỏi sự tham gia đóng góp trực tiếp và tích cực của mỗi học sinh (HS) vào quá trình học tập và sẽ tạo nên môi trường giao tiếp, hợp tác giữa trò-trò, thầy-trò, trong đó vai trò của mỗi HS gần như ngang nhau.

Từ các khái niệm trên chúng ta có thể thấy rằng, tuy có những cách phát biểu khác nhau, sử dụng những thuật ngữ khác nhau, nhưng nhìn chung các tác giả trên đều nhấn mạnh điểm cơ bản nhất của cách dạy học này là HS không làm việc độc lập mà làm việc cùng nhau

trong những nhóm nhỏ để thực hiện một nhiệm vụ học tập. Rõ ràng là các thuật ngữ thông dụng như *học hợp tác* (cooperative learning), *học cộng tác* (collaborative learning), *làm việc nhóm* (group work), *thảo luận nhóm* (group discussion), có thể được hiểu theo nghĩa chung là một hình thức dạy học trong đó SV hay HS làm việc theo nhóm để giải quyết các nhiệm vụ học tập nhằm phát triển năng lực của bản thân cũng như của các thành viên trong nhóm. Quan điểm này cho thấy rằng hợp tác không đơn giản là cho HS làm việc trong nhóm mà vấn đề quan trọng là làm thế nào để các em biết hợp tác làm việc hiệu quả trong hoạt động nhóm.

Trong hoạt động dạy học theo nhóm, GV phân chia người học theo từng nhóm nhỏ, mỗi nhóm từ 4 đến 6 thành viên với đủ thành phần khác nhau về trình độ, cùng trao đổi ý tưởng, một nguồn kiến thức dựa trên cơ sở là hoạt động tích cực của từng cá nhân (Community Tool Box, n.d). Từng thành viên của nhóm không chỉ có trách nhiệm với việc học tập của mình mà còn có trách nhiệm quan tâm đến việc học tập của bạn bè trong nhóm. Tuy nhiên, sinh viên phải luôn luôn nhận được sự hướng dẫn của giáo viên làm việc cùng nhau trong những nhóm nhỏ để hoàn thành mục đích học tập chung của nhóm đặt ra.

Vì thế, dạy học theo nhóm đòi hỏi giáo viên phải có kế hoạch dạy học, lựa chọn mô hình và cách thức hoạt động nhóm thực sự phù hợp để giúp người học lĩnh hội, khám phá kiến thức mới một cách tốt nhất.

### **2.2. Một số mô hình và cách thức tổ chức hoạt động theo nhóm**

#### **2.2.1. Cấu trúc Jigsaw của Aronson and Patnoe (1997)**

Giảng viên sẽ chia lớp thành các nhóm có số từ 4-6 thành viên, mỗi thành viên sẽ được quy định một số (1, 2, 3, 4, v.v...). Các nhóm này gọi là nhóm hợp tác. Mỗi thành viên được giao một phần nội dung bài học. Thành viên số 1 của tất cả các nhóm được giao tìm hiểu kỹ một phần nội dung như nhau. Thành viên số 2, 3, 4, etc. còn lại của tất cả các nhóm được giao các nội dung khác, như nhau cho cùng số. Các thành viên của nhóm nghiên cứu cá nhân, chuẩn bị phần nội dung của mình. Sau đó, các thành viên các nhóm cùng chủ đề thảo luận với nhau trong khoảng thời gian xác định và trở thành nhóm chuyên gia của nội dung đó. Các thành viên của nhóm chuyên gia trở về nhóm hợp tác của mình và giảng lại cho cả nhóm nghe phần nội dung của mình. Các thành viên trình bày lần lượt cho hết nội dung bài học. Giảng viên tổ chức kiểm tra đánh giá sự nắm vững nội dung kiến thức trong cả bài học cho từng cá nhân (cả lớp làm bài kiểm tra).

#### **2.2.2. Cấu trúc Student Teams Achievement Division của Slavin (1996; 2000)**

Trong cấu trúc Student Teams Achievement Division (STAD), cá nhân làm việc độc lập về nội dung học tập được giao. Sau đó thảo luận trong nhóm nhằm giúp các thành viên hiểu kỹ lưỡng về nội dung bài học được đưa ra. Giảng viên tổ chức cho sinh viên làm bài kiểm tra lần 1. Nhóm trao đổi về nội dung chưa hiểu kỹ (qua bài kiểm tra lần 1). GV tổ chức cho sinh viên làm bài kiểm tra lần 2 và đánh giá kết quả cá nhân và nhóm bằng chỉ số cố gắng (sự tiến bộ giữa 2 lần kiểm tra) của từng cá nhân.

#### **2.2.3. Cấu trúc TGT (Team Game Tournament) của Slavin (2000)**

Trong cấu trúc Team Game Tournament (TGT), các hoạt động nhóm về cơ bản giống

như trong cấu trúc STAD. Sự khác nhau là ở chỗ giảng viên chia nhóm theo khả năng học tập trong đó các thành viên cùng số (1, 2, 3, 4, v.v...) ở các nhóm có sức học tương đương nhau. Các thành viên trong nhóm thảo luận, giúp nhau hiểu nội dung bài học. Quá trình kiểm tra đánh giá (2 lần) được xem như cuộc cạnh tranh nhỏ giữa các thành viên cùng số ở mỗi nhóm, các thành viên cùng số làm cùng một đề kiểm tra. Đánh giá kết quả thảo luận nhóm bằng sự chênh lệch điểm giữa 2 lần kiểm tra (chỉ số cố gắng) của từng cá nhân.

Các mô hình nêu trên cho thấy dù chọn cấu trúc nào chăng nữa thì GV vẫn là người quyết định thành phần tham gia từng nhóm và thời gian nhóm phải hoàn tất nhiệm vụ. Đây là sự tác động trực tiếp giữa sinh viên với nhau, cùng nhau thảo luận và cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ học tập. Mỗi cá nhân phải có ý thức tự hoàn thành nhiệm vụ của mình. Thành công của cá nhân là thành công chung của cả nhóm, và GV cũng là người cuối cùng đưa thông tin phản hồi đánh giá các hoạt động và kết quả học tập của các nhóm. Một điểm chung khác của các mô hình này là SV làm việc trong các nhóm cùng ý thức về vai trò của SV và phương pháp tương tác với nhau thế nào để đạt được hiệu quả. Trong khi đó, nhiệm vụ của GV là tham gia hướng dẫn, điều hành và động viên các thành viên trong các nhóm tích cực hoạt động để đạt những mục tiêu cụ thể.

Có thể nói rằng hoạt động dạy học theo nhóm vẫn được tiến hành trên quy mô cả lớp, như mô hình giờ học truyền thống. Tuy nhiên, cần phải có sự phân công nhiệm vụ rõ ràng cho từng thành viên trong mỗi nhóm. Các thành viên trong nhóm phải cùng hợp tác, trao đổi giải quyết nhiệm vụ chung của nhóm, họ là chủ thể tích cực chủ động sáng tạo của hoạt động học tập, trực tiếp tham gia các hoạt động, giải quyết các nhiệm vụ học tập được đặt ra. Còn giảng viên phải là người thiết kế các nhiệm vụ học tập và đưa ra các hoạt động cụ thể cho từng nhóm. GV chỉ đóng vai trò tổ chức, hướng dẫn chứ không phải là người đưa ra kiến thức, tìm ra kiến thức. GV là người tổ chức, đạo diễn và dẫn dắt SV khám phá, lĩnh hội kiến thức qua từng bước.

### ***2.3. Ưu và nhược điểm của dạy học theo nhóm***

#### ***2.3.1. Ưu điểm***

Hoạt động dạy học theo nhóm tạo điều kiện cho SV hoạt động, trao đổi, khám phá, thu nhận tri thức, và từ đó SV có cơ hội phát biểu, trao đổi và học tập lẫn nhau, cùng nhau tìm hiểu, phát hiện kiến thức mới. Những SV yếu kém có cơ hội được học tập ở những bạn giỏi hơn và những SV khá, giỏi không chỉ hoàn thành nhiệm vụ của mình mà còn phải giúp đỡ các bạn yếu hơn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Phát huy tính tích cực, sáng tạo, độc lập, tự chủ và khả năng ghi nhớ của SV. Trong quá trình thảo luận, SV có cơ hội phát huy kỹ năng sáng tạo, đánh giá, tổng hợp, phân tích, so sánh. Họ học được cách giải quyết các vấn đề và tình huống, trong học tập một cách phù hợp, hiệu quả và sáng tạo và từ những vấn đề và tình huống đó SV sẽ nhớ lâu hơn, rút ra được những kinh nghiệm, bài học quý giá cho bản thân. Thúc đẩy quá trình học tập và nâng cao hiệu quả học tập. Mỗi cá nhân sẽ cảm thấy có trách nhiệm phải đóng góp vào công việc chung của nhóm, không ai được dựa dẫm vào ai, các thành viên sẽ làm việc có hiệu quả hơn. Từ đó, các bạn SV sẽ tự hình thành tinh thần tự chủ, đoàn kết, hợp tác giúp đỡ nhau trong học tập và hoạt động khác. Giúp SV phát triển năng lực xã hội, phát triển kỹ năng sử dụng ngôn ngữ, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thảo luận,

kỹ năng bảo vệ ý kiến, kỹ năng giải quyết mâu thuẫn. Các bạn sẽ tự tin khi đối diện một số tình huống đòi thực. Đặc biệt giúp cho các bạn nhút nhát có điều kiện tham gia xây dựng bài học, cải thiện quan hệ giữa các SV với nhau. Tạo không khí học tập sôi nổi, bình đẳng và gắn bó, trạng thái tâm lý học tập tốt. Khi trao đổi, mỗi SV nhận rõ trình độ hiểu biết của mình về vấn đề nêu ra, xác định được những điều cần học hỏi thêm. Giờ học trở thành quá trình học hỏi lẫn nhau chứ không phải sự tiếp thu thụ động từ GV.

### 2.3.2. Hạn chế

Một vấn đề thường gặp của hoạt động dạy học theo nhóm là có một số SV sẽ ỷ lại vào những bạn học giỏi hơn, nghĩ rằng những SV học tốt này sẽ giúp họ hoàn thành công việc được giao mà không tham gia hoạt động và cũng không đóng góp ý kiến, xây dựng bài hay soạn bài. Các nhóm có thể đi chệch hướng thảo luận do tác động của một vài cá nhân, hiện tượng chi phối, tách nhóm. Trên thực tế, các SV giỏi thường hay hoạt động cùng một nhóm nên rất khó cho GV đánh giá, hay các SV giỏi thường điều khiển cả nhóm nên các thành viên còn lại luôn cảm thấy bị động, tự ti và không dám góp ý bài học. Thậm chí, các SV khá, giỏi quyết định hẳn luôn quá trình, kết quả thảo luận nhóm mà không cần lắng nghe ý kiến từ thành viên trong nhóm nên chưa đề cao sự tương tác bình đẳng và tầm quan trọng của từng thành viên trong nhóm. Nếu lấy kết quả thảo luận chung của nhóm làm kết quả học tập cho từng cá nhân thì chưa công bằng và chưa đánh giá đúng thực chất được sự nỗ lực của từng cá nhân trong nhóm. Vì nhiều SV yếu kém sẽ ăn theo điểm của SV khá giỏi. Giảng viên sẽ mất thời gian chuẩn bị bài và thực hiện các hoạt động cho bài học. Đặc biệt nếu lớp học quá đông SV thì dẫn tới tình trạng ồn ào, khó kiểm soát và không thể không chế đúng thời gian. Thông thường, đối với GV trẻ, chưa có kinh nghiệm sẽ gây trệch mục tiêu bài giảng do chưa có khả năng kiểm soát lớp tốt. Mặt khác, khi GV áp dụng cứng nhắc các hoạt động, quá thường xuyên một số hoạt động, hoặc thiếu sáng tạo, hoặc thời gian hoạt động nhóm quá dài thì hoạt động nhóm sẽ không có tác dụng, và lúc đó sẽ gây nhàm chán và giảm hiệu quả trong hoạt động học tập.

## 3. Phương pháp nghiên cứu

Đề tài khai thác mối liên hệ giữa phương pháp giảng dạy kỹ năng nói của giảng viên và thái độ, hành vi cũng như động lực học của các sinh viên Tiếng Anh chuyên ngữ năm thứ nhất tại Trường Đại học Ngoại Ngữ (ĐHNN), Đại học Huế (ĐHH).

Khách thể nghiên cứu bao gồm 8 giảng viên dạy học phần nói cho các lớp tiếng Anh chuyên ngữ và 120 sinh viên Tiếng Anh chuyên ngữ năm thứ nhất tại Trường ĐHNN, ĐHH.

Đề tài nghiên cứu được thực hiện dựa trên sự kết hợp của hai phương pháp đó là phương pháp thí điểm và khảo sát ý kiến.

Về phương pháp thí điểm: Phương thức thí điểm được dựa trên khách thể gồm 120 sinh viên tiếng Anh chuyên ngữ năm thứ nhất tại Trường Đại học Ngoại Ngữ, Đại học Huế. Thời gian tiến hành thực nghiệm là 15 tuần tại các lớp mà tôi và đồng nghiệp phụ trách để theo dõi sinh viên Tiếng Anh chuyên ngữ năm thứ nhất tại Trường Đại học Ngoại Ngữ, Đại học Huế. Từ đó, yêu cầu sinh viên thực hiện các hoạt động nhóm trong giờ học nói, làm bài kiểm tra sau mỗi phần hướng dẫn của giảng viên, từ đó tìm ra được một số khó khăn hạn chế. Quan sát (observation) được thực hiện ở 3 lớp học kỹ năng nói nhằm phân tích phương



pháp giảng dạy, thái độ học tập của sinh viên.

Về phương pháp khảo sát ý kiến: Khảo sát ý kiến được thực hiện bằng cách thu thập thông tin từ bảng câu hỏi phát ra. Trong đó gồm có hai bộ câu hỏi, một bộ dành cho sinh viên và một bộ dành cho giảng viên nhằm xác định lấy cơ sở cho việc đánh giá phương pháp giảng dạy của giảng viên và động lực thái độ học tập của sinh viên.

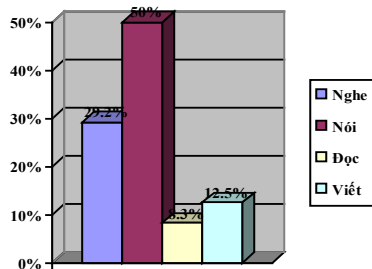
Ngoài ra, những trao đổi thảo luận cũng được tác giả thực hiện với đồng nghiệp đang giảng dạy cho các lớp Tiếng Anh chuyên ngữ năm nhất về phương pháp giảng dạy, đặc biệt là đối với các giảng viên có kinh nghiệm giảng dạy bộ môn này lâu năm để bảo đảm tính khách quan khi phân tích dữ liệu.

#### 4. Kết quả nghiên cứu

##### 4.1. Đánh giá của sinh viên về mức độ khó của 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc và Viết tiếng Anh

Một trong những nội dung của phiếu điều tra dành cho SV là tìm hiểu phản hồi của SV về việc họ gặp khó khăn với kỹ năng nào nhất trong bốn kỹ năng nghe, nói đọc và viết, cũng như mức độ của các khó khăn. Dữ liệu được trình bày trong Bảng 1 dưới đây.

Bảng 1. Đánh giá mức độ khó của 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc và Viết tiếng Anh



Độ khó của 4 kỹ năng	Bảng câu hỏi cho sinh viên N-120	%
Nghe	35	29,2
Nói	60	50
Đọc	10	8,3
Viết	15	12,5

Có 50% số SV được khảo sát đánh giá rằng nói là kỹ năng mà SV gặp nhiều khó khăn nhất trong việc học tập, tiếp theo là kỹ năng nghe (29,2%), kỹ năng viết (12,2%) và kỹ năng đọc (8,3%).

Có thể nói rằng đây là một thực trạng đáng lo ngại. Nó cho thấy sự mất cân đối trong quá trình phát triển các kỹ năng ngôn ngữ. Nó cũng đòi hỏi GV nhiều hơn trong việc dạy học kỹ năng này, đó là khắc phục sự mất cân đối và trang bị kỹ năng nói tiếng Anh cho sinh viên. Điều này chứng tỏ việc lồng ghép các hoạt động nhóm trong kỹ năng nói rất quan trọng trong việc giúp người học tự tin và vượt qua tâm lý sợ môn nói.

##### 4.2. Thực trạng áp dụng phương pháp dạy học theo nhóm trong lớp học kỹ năng nói tiếng Anh năm thứ nhất Trường ĐHNN, ĐHH

###### 4.2.1. Các hoạt động nhóm giảng viên áp dụng tổ chức trong giờ dạy kỹ năng nói cho sinh viên

Thực tế lớp học tại ĐHNN, ĐHH cho thấy số sinh viên trên mỗi lớp tín chỉ học phần Nói khá đông (40-44 SV). Vì vậy việc quản lý lớp học theo nhóm gặp một số khó khăn nhất định. Nếu áp dụng phương pháp học tập theo nhóm không đúng cách, không phù hợp với nội dung và thiếu kỹ năng quản lý, thực hiện thì có thể hoạt động nhóm chỉ mang tính hình

thức, gây mất nhiều thời gian. Dữ liệu từ quan sát (observation) và khảo sát giảng viên cho thấy các giảng viên nhìn chung thực hiện việc chia nhóm theo một số quy trình sau:

**Chia nhóm:** Ngay buổi đầu của môn học, các giảng viên thông báo cho sinh viên biết cách tổ chức nhóm và nội dung hoạt động học tập của nhóm, bao gồm mục đích, hình thức, số lượng SV (từ 4-6 SV), cách thức liên lạc giữa các thành viên nhóm và giữa nhóm với GV.

Giảng viên phân nhóm ngẫu nhiên hoặc theo sự sắp xếp của mình. Trong một vài trường hợp, sinh viên có thể lựa chọn và tự kết nhóm để có sự hợp tác và giúp đỡ lẫn nhau trong học tập, tránh tình trạng trong nhóm chỉ có một vài người làm việc còn những người khác không làm gì cả.

Về cơ cấu nhỏ trong nhóm, nhóm trưởng có trách nhiệm tổ chức, điều hành mọi hoạt động của nhóm, nhóm trưởng có thể do các thành viên trong nhóm bầu hoặc do giảng viên chỉ định. Một vài giảng viên có quy định thêm nhóm phó nếu quy mô nhóm lớn để thay thế nhóm trưởng khi nhóm trưởng vắng mặt hoặc hỗ trợ nhóm trưởng trong một số việc. Điểm thú vị ở đây là có thư ký trong nhóm, mục đích là để ghi chép các diễn biến công việc, thảo luận của nhóm, thư ký có thể được thay đổi theo từng công việc hoặc cố định từ đầu đến cuối học kỳ.

**Giao việc cho nhóm (giao chủ đề/đề tài):** Theo quan sát và khảo sát, hầu hết các giảng viên đều giao cùng một nội dung công việc, đề tài hay chủ đề chung cho tất cả các nhóm, hoặc mỗi nhóm một đề tài khác nhau nhưng mức độ khó tương đương nhau. Đề tài thảo luận phải liên quan đến nội dung của chương trình đào tạo trong giáo trình. Tuy nhiên, các nhóm có thể có nhiều hướng khai thác khác nhau, tùy vào sự linh hoạt và sáng tạo khác nhau và giảng viên luôn đặt câu hỏi cụ thể, rõ ràng, kèm hướng dẫn và định hướng cách thức làm việc cho các nhóm. Các giảng viên có khuynh hướng lựa chọn đề tài, hoạt động hấp dẫn, gần gũi thực tế và tổ chức các hoạt động như: talk show, interview, role play, v.v... Mục đích là kích thích tính tích cực chủ động làm việc của sinh viên. Giảng viên cũng có thể cắt bỏ hoặc chỉnh sửa một số chủ đề trong giáo trình xa lạ với thực tế hoặc khác biệt về văn hóa sao cho phù hợp với trình độ năng lực của SV và văn hóa của Việt Nam nhằm giúp SV tìm hiểu và tìm cách giải quyết vấn đề dễ dàng hơn. Các nhóm có thể chuẩn bị ở nhà hoặc thảo luận ngay tại lớp tùy theo chủ đề và yêu cầu cũng như quỹ thời gian môn học.

**Nhóm thảo luận và trình bày hoặc thuyết trình:** Giảng viên phổ biến cách thức thuyết trình bằng phương tiện gì cho các nhóm để họ có thể lựa chọn như dùng: powerpoint, poster, hình vẽ hay phát tài liệu. Người thuyết trình có thể được chỉ định ngẫu nhiên bởi giảng viên hoặc nhóm tự chọn và đề cử (nếu nhóm đề cử thì mỗi lần thuyết trình sẽ phải thay người khác để mỗi cá nhân đều có cơ hội thuyết trình). Ngoài ra, giảng viên cũng có thể cho cả nhóm cùng tham gia hỗ trợ thuyết trình và trả lời câu hỏi phản biện từ giảng viên hoặc từ bạn cùng lớp. Dù thực hiện bằng cách nào nhưng tất cả các giảng viên đều yêu cầu mỗi thành viên trong nhóm phải hiểu và nắm được nội dung bài thuyết trình của nhóm mình. Đôi khi giảng viên kiểm tra liệu rằng các thành viên khác có tham gia soạn bài hay không bằng cách yêu cầu bất kỳ thành viên nào trong nhóm lên tóm tắt bài thuyết trình trước khi người khác thuyết trình.

Trong khi một nhóm lên trình bày, giảng viên yêu cầu các nhóm khác viết feedback

theo hướng dẫn của giảng viên, và sau đó giảng viên chỉ định nhóm nhận xét và phản biện cụ thể hoặc mời ngẫu nhiên bất kỳ trong những nhóm khác phản biện hoặc cũng có thể phản biện tự do (cho sinh viên tình nguyện). Giảng viên luôn để cho các nhóm khác phản biện trước, nếu không ai nhận xét và phản biện thì giảng viên mới chỉ định. Lúc này, giảng viên thường ngồi quan sát, qua đó ghi nhận đúng sai và đánh giá các nhóm.

Đôi khi, giảng viên đặt câu hỏi cho nhóm thuyết trình, hoặc hỗ trợ nhóm thuyết trình trả lời câu hỏi của các nhóm khác khi họ không trả lời được bằng cách đặt thêm câu hỏi gợi mở để nhóm có thể trả lời.

Trong quá trình các nhóm thảo luận, giảng viên đi đến từng nhóm, lắng nghe, gợi ý và thăm dò xem nhóm nào làm việc tích cực, hiệu quả hơn. Tuy nhiên, trong điều kiện quỹ thời gian có hạn và sĩ số lớp đông nên thời gian giảng viên dành cho mỗi nhóm là rất ít.

**Giảng viên đánh giá hoạt động của nhóm:** Dữ liệu từ quan sát cho thấy giảng viên đánh giá các nhóm trình bày qua nhiều bước. Thứ nhất, giảng viên nhận xét, phân tích quá trình và kết quả thực hiện của từng nhóm, so sánh với các nhóm khác để sinh viên nhận ra ưu điểm, khuyết điểm của nhóm mình. Từ đó giảng viên chỉ ra những điểm tốt cần được học hỏi, những hạn chế để sinh viên khắc phục cũng như hiểu đúng vấn đề. Thứ hai, giảng viên cho phép cho sinh viên tự đánh giá kết quả làm việc của từng thành viên trong nhóm vừa mới trình bày. Tuy nhiên, có một thực tế được ghi nhận trong quá trình quan sát lớp học là có nhiều sinh viên có chiều hướng ỷ lại vào các sinh viên khác, không tham gia tích cực làm việc nhóm.

**Giảng viên yêu cầu các nhóm đánh giá chéo kết quả làm việc của nhau:** sau phần thuyết trình của các nhóm và phần nhận xét của giảng viên, giảng viên yêu cầu các nhóm bình chọn lẫn nhau nhưng chỉ bình chọn chứ không chấm điểm. Đây là việc làm rất hữu ích vì nó phát huy được tính dân chủ trong việc đánh giá đồng thời giúp cho giảng viên đưa ra quyết định về kết quả cuối cùng một cách công bằng.

**Giảng viên đưa phản hồi cuối cùng và chấm điểm:** Giảng viên chấm điểm cho các nhóm sau khi đã có sự bình chọn giữa các nhóm với nhau. Phần chấm điểm của giảng viên bao gồm nhiều yếu tố như nội dung thuyết trình, kỹ năng thuyết trình, trình bày của nhóm và phần phản biện. Sau đó tất cả những nội dung chấm điểm được giảng viên công bố trước cho cả lớp. Điểm gồm hai phần, một phần của mỗi cá nhân, và phần còn lại là của cả nhóm. Từ điểm của cả nhóm cộng với điểm của từng cá nhân chia hai thì sẽ ra điểm của từng cá nhân.

**Tần suất bố trí thời gian cho các hoạt động nhóm:** Trên thực tế, hoạt động nhóm không thể được áp dụng thường xuyên do quỹ thời gian hạn hẹp của một buổi học. Thông thường, giảng viên chỉ áp dụng xen kẽ với hoạt động giảng lý thuyết, sau khi kết thúc một chủ đề hay trước khi chuyển sang một chủ đề mới.

### 4.3. Thái độ của SV đối với các hoạt động nhóm do GV tổ chức

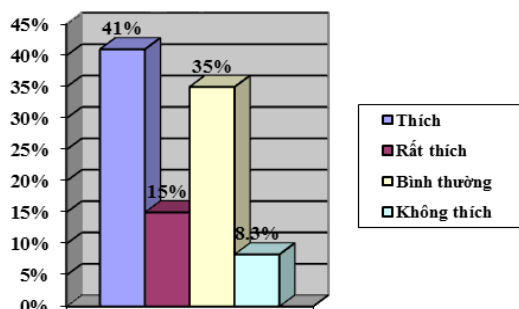
Kết quả điều tra bằng bảng câu hỏi đối với 120 sinh viên tiếng Anh chuyên ngữ năm thứ nhất tại Trường ĐHNN, ĐHH, cho thấy được thực trạng làm việc nhóm của sinh viên như sau:

#### 4.3.1. Mức độ yêu thích làm việc nhóm của sinh viên



Như Bảng 2 dưới đây, trong tổng số 120 sinh viên được tiến hành khảo sát thì có 18 em chiếm 15% sinh viên rất thích làm việc nhóm, 50 em (41,7%) sinh viên thích làm việc nhóm, 42 em (35%) cho là bình thường đối với làm việc nhóm, còn lại 10 em sinh viên (8,3%) hoàn toàn không thích làm việc nhóm.

Bảng 2. Mức độ yêu thích làm việc nhóm của sinh viên

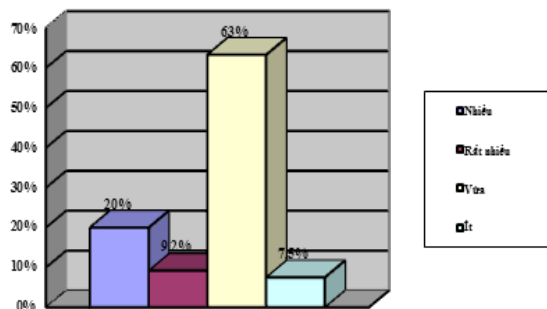


Mức độ yêu thích	Bảng câu hỏi cho sinh viên N=120	%
Thích	50	41,7
Rất thích	18	15
Bình thường	42	35
Không thích	10	8,3

#### 4.3.2. Mức độ thảo luận trong nhóm

Từ dữ liệu khảo sát ở Bảng 3, chúng ta có thể thấy rằng tỷ lệ sinh viên thảo luận ở mức độ rất nhiều trong làm việc nhóm chiếm 9,2%; trong khi đó 20% sinh viên thảo luận ở mức độ nhiều; còn đa phần (63,3%) sinh viên thảo luận ở mức độ vừa phải. Đáng mừng là tỷ lệ sinh viên ít khi nêu ý kiến thảo luận nhóm chiếm tỷ lệ không nhiều (7,5%). Quả thực đây là một tồn tại lớn cần phải giải quyết để làm thế nào có sự thảo luận đồng đều hoặc tạo hứng thú cho các bạn sinh viên trong giờ học nói.

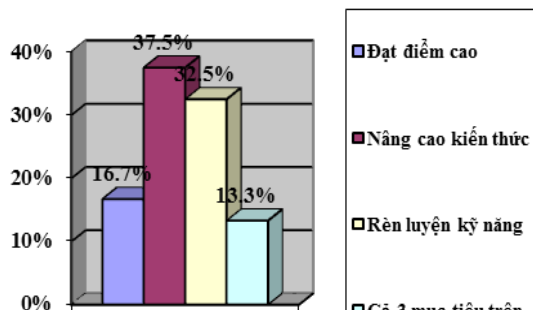
Bảng 3. Mức độ thảo luận trong nhóm



Mức độ	Bảng câu hỏi cho sinh viên N-120	%
Nhiều	24	20
Rất nhiều	11	9,2
Vừa	76	63,3
Ít	9	7,5

#### 4.3.3. Mục đích thảo luận nhóm

Bảng 4. Mục đích của sinh viên làm việc nhóm



Mục đích	Bảng câu hỏi cho sinh viên N-120	%
Đạt điểm cao	20	16,7
Nâng cao kiến thức	45	37,5
Rèn luyện kỹ năng	39	32,5
Cả 3 mục tiêu trên	16	13,3

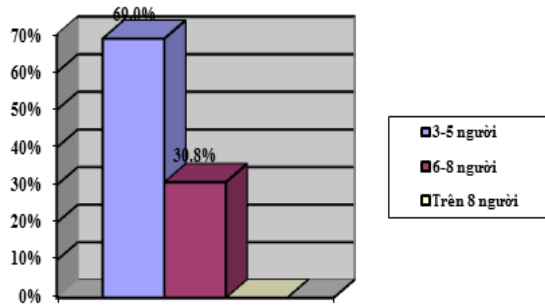
Từ Bảng 4 trên, chúng ta có thể thấy được mục đích làm việc nhóm của sinh viên là khá khác nhau. Trong khi có 16,7% sinh viên được khảo sát đặt mục tiêu điểm số là hàng đầu thì một số khác 37,5% lại cho biết đối với họ mục tiêu kiến thức là số một và điểm số không quan trọng. Số còn lại, 32,5% trong số 120 sinh viên cho là làm việc nhóm với mục tiêu hướng tới là có được kỹ năng tốt nhằm phục vụ nghề nghiệp tương lai, và có 13,3% sinh viên hướng đến cả 3 mục tiêu là điểm số, kiến thức và kỹ năng.

Nói tóm lại, các em không có định hướng chung cũng như sự nhất quán về mục tiêu trong quá trình làm việc nhóm.

4.3.4. Một số vấn đề trong quá trình làm nhóm

Quy mô nhóm

Bảng 5. Ý kiến của sinh viên về quy mô nhóm

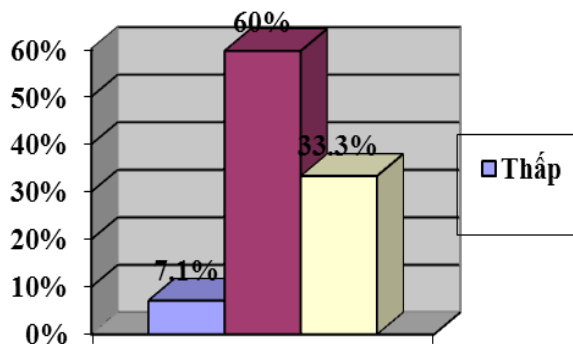


Số bạn trong nhóm	Bảng câu hỏi cho SV N-120	%
3-5	83	69,2
6-8	37	30,8
Trên 8	0	0

Theo ý kiến của các bạn sinh viên được ghi nhận từ Bảng 5, thì có 69,2% SV cho rằng một nhóm có từ 3-5 thành viên là tốt nhất vì trong khi thảo luận hay trình bày, tất cả mọi người đều có cơ hội được nêu ý kiến của họ, chỉ có 30,8% sinh viên cho rằng nhóm có từ 6-8 thành viên là tốt nhất, không có bạn nào đồng ý với ý kiến trên 8 thành viên trong một nhóm. Điều này cho thấy số lượng thành viên trong nhóm cũng có ít nhiều ảnh hưởng đến thái độ và động lực tham gia vào bài học của các bạn sinh viên.

Mức độ đoàn kết trong nội bộ nhóm

Bảng 6. Mức độ đoàn kết của sinh viên khi làm việc nhóm



Mức độ đoàn kết của sinh viên khi làm việc nhóm	Bảng câu hỏi cho SV N-120	%
Thấp	9	7.1
Trung Bình	72	59.6
Cao	39	33.3

Kết quả khảo sát bảng 6 cho thấy rằng có đến 59.6% cho rằng mức độ đoàn kết của nhóm là không cao, thậm chí có 7,1% sinh viên cho rằng nhóm mình không đoàn kết. Chỉ có 33,3% sinh viên cho rằng mức độ đoàn kết của nhóm là cao. Tôi nghĩ đây cũng là một trong những nguyên nhân ảnh hưởng đến hiệu quả làm việc nhóm của SV.

### **5. Thảo luận và đề xuất/kiến nghị**

Việc cải thiện kỹ năng nói tiếng Anh của sinh viên là một việc không đơn giản. Một trong những vấn đề khó khăn là thời gian để thay đổi một thói quen học ngoại ngữ đã trở nên lỗi thời, không còn phù hợp trong tình hình mới. Hơn nữa, để có được kỹ năng nói hoàn hảo còn đòi hỏi phải có đủ lượng thời gian thực hành, phải có sự hợp tác chặt chẽ giữa người dạy và người học. Điều quan trọng hơn nữa là chính động cơ, thái độ, và chiến lược học của bản thân người học tạo nên sự thành công đó.

Kỹ năng nói tiếng Anh như đã đề cập trên là một trong những kỹ năng ngôn ngữ quan trọng nhất, đặc biệt là trong môi trường làm việc. Tuy nhiên, thực tế thì kỹ năng nói của sinh viên nói chung và của sinh viên tiếng Anh chuyên ngữ năm thứ nhất tại Trường ĐHN, ĐHH nói riêng còn rất hạn chế do quá trình học ở bậc trung học phổ thông, người học chưa được luyện tập nhiều. Sau đây một số giải pháp đề xuất gợi ý nhằm nâng cao chất lượng dạy và học trong nhà trường để góp phần cải thiện kỹ năng nói cho SV.

#### **5.1. Đối với giảng viên**

a. Hướng dẫn, tư vấn cho sinh viên những cách học hiệu quả giúp sinh viên cảm thấy hứng thú hơn trong việc học tiếng Anh (cách soạn bài, cách học từ vựng, vận dụng từ mới vào tình huống, học cách phát âm đúng, cách sử dụng cấu trúc, sắp xếp từ, sắp xếp ý tưởng để diễn đạt). Quan tâm nhiều hơn nữa đến động cơ, thái độ và chiến lược học của sinh viên; giúp sinh viên đánh giá đúng đắn sự cần thiết của kỹ năng nói tiếng Anh cho nghề nghiệp tương lai của họ để từ đó sinh viên có thể xác định được động cơ, thái độ học tập tích cực, chiến lược học có hiệu quả.

b. Đánh giá đúng thực lực của sinh viên để từ đó đưa ra yêu cầu phù hợp. Không nên áp đặt một yêu cầu chung cho tất cả các nhóm lớp, tùy vào từng nhóm lớp mà có từng yêu cầu cụ thể. Vì yêu cầu quá thấp đối với sinh viên khá, giỏi sẽ khiến cho sinh viên cảm thấy nhàm chán và sẽ không có ý chí phấn đấu vươn lên nữa; yêu cầu quá cao đối với sinh viên yếu sẽ đánh mất sự tự tin của sinh viên, làm giảm sút sự hứng thú của sinh viên. Khuyến khích sinh viên hạn chế việc sử dụng tiếng Việt trong giờ học nói; hạn chế viết ra giấy học thuộc lòng trả bài trong những giờ thực hành nói.

c. Thiết kế nhiều loại hình hoạt động khác nhau theo mức độ khó tăng dần và phù hợp với từng nhóm sinh viên để tạo ra sự đa dạng các hoạt động nói trong giờ học nói. Có thể cùng bài học nhưng trình độ các nhóm chênh lệch nên phải thiết kế các hoạt động khác nhau để phù hợp với các bạn sinh viên. Không gây áp lực học đối với sinh viên yếu, sinh viên lười học, thay vào đó động viên, khuyến khích để sinh viên tự giác học.

d. Có chế độ thưởng phạt công bằng để sinh viên có căn cứ tự đánh giá mức độ cố gắng và sự tiến bộ của chính mình, tạo quyết tâm học tập cho sinh viên. Giảng viên có thể cho điểm cộng, điểm tham gia xây dựng bài của nhóm hay cá nhân và cộng tích lũy cho điểm 40% cuối kỳ, hoặc tặng các món quà nhỏ sau mỗi hoạt động nhằm khích

lệ, động viên và giúp sinh viên nỗ lực hơn trong giờ nói.

e. Tạo sự tự tin cho sinh viên trong giao tiếp, không nên đặt nặng vấn đề phải nói đúng ngữ pháp khiến sinh viên cảm thấy e ngại. Thay vào đó, khuyến khích sinh viên cố gắng diễn đạt ý tưởng, diễn đạt những gì mình muốn nói một cách lưu loát để hình thành thói quen nói tiếng Anh và yêu thích nói tiếng Anh. Để giúp sinh viên vượt qua rào cản tâm lý e ngại, thiếu tự tin, giảng viên phải là người trực tiếp hướng dẫn người học tham gia các hoạt động giao tiếp. Trong quá trình giảng dạy, giảng viên cần thường xuyên sử dụng tiếng Anh, cần quan tâm và tạo điều kiện cho người học, đặc biệt là những sinh viên yếu, thiếu tự tin, thực hành nhiều hơn. Giảng viên có thể sử dụng một trong những thủ thuật như: mô tả tranh ảnh, trò chơi ngôn ngữ, hỏi - đáp, đóng vai (role-play), phỏng vấn (interview), tọa đàm (talk show) hay thảo luận, để giúp cho sinh viên thực hành và phát triển kỹ năng giao tiếp. Trong quá trình giảng dạy, giảng viên cũng cần lồng ghép các yếu tố văn hóa, xã hội của người bản xứ trong các bài giảng nhằm giảm thiểu những hiểu nhầm hay sốc văn hóa.

### **5.2. Đối với sinh viên**

Xác định cho mình một động cơ, thái độ học tập đúng đắn, chiến lược học phù hợp để nâng cao chất lượng học. Từ đó thay đổi lại phương pháp học kỹ năng nói tiếng Anh cho phù hợp với yêu cầu mới. Sinh viên nên tích cực tham gia vào các hoạt động tại lớp; tận dụng thời gian ở lớp để thực hành giao tiếp với các bạn cùng lớp, trao đổi học hỏi và tích cực thảo luận trong giờ học nói để có thể được bạn bè sửa các lỗi sai, các hạn chế, và tránh viết ra để học thuộc đọc.

### **5.3. Đối với nhà trường**

a. Thực hiện quy mô lớp nhỏ (30-35 sinh viên/lớp, nhóm) để sinh viên có nhiều cơ hội thực hành giao tiếp hơn nữa. Trong khi SV đăng ký tín chỉ nên giới hạn và khóa số lượng sinh viên không quá 35 để tạo điều kiện thuận lợi hơn cho giảng viên trong việc quản lý, điều hành lớp và tổ chức các hoạt động. Nhà trường cũng nên chia lớp theo trình độ để sinh viên không có tâm lý e ngại khi nói trước công chúng và giảng viên cũng sẽ thành công hơn trong việc tổ chức các hoạt động trong giờ dạy nói.

b. Thành lập và tăng cường hoạt động của câu lạc bộ tiếng Anh nhằm giúp sinh viên có cơ hội thực hành kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, mở rộng các mối quan hệ, gặp gỡ, trao đổi và học hỏi kinh nghiệm từ những thành viên khác tham gia câu lạc bộ.

## **6. Kết luận**

Việc cải thiện nâng cao kỹ năng thực hành tiếng Anh nghe, nói, đọc và đặc biệt là nói cho sinh viên là điều cần thiết nhưng không dễ làm và cũng không thể một sớm một chiều là đạt được mục tiêu. Cải thiện kỹ năng nói tiếng Anh của sinh viên thật sự cần phải có thời gian để thay đổi một thói quen, hình thành một phản xạ tốt, một sự tự tin và bản lĩnh nhằm thích nghi và phù hợp với xu thế và đòi hỏi của xã hội. Hơn nữa, để có được một kỹ năng hoàn hảo, người học phải có đủ lượng thời gian thực hành, phải

nỗ lực, và phải có sự hợp tác chặt chẽ với người dạy. Điều quan trọng hơn nữa chính là phương pháp học luyện viết tiếng Anh của bản thân người học, phải tự mình tìm ra lối đi, hướng luyện tập phù hợp với bản thân. Tự học, học hiệu quả sẽ là chìa khóa thành công cho chính chúng ta.

Nghiên cứu chỉ bàn ở một góc nhìn về thực trạng việc dạy và học nhóm trong học phần nói. Hi vọng góp phần nào vào việc cải thiện kỹ năng nói cho các sinh viên Tiếng Anh chuyên ngữ năm thứ nhất ĐHNN, ĐHH, giúp cho họ ít nhiều có được sự cải thiện trong kỹ năng nói tiếng Anh của mình. Nghiên cứu tuy có đóng góp nhưng vẫn còn hạn chế do được thực hiện trên quy mô 8 giảng viên và 120 sinh viên tiếng Anh chuyên ngữ năm thứ nhất tại ĐHNN, ĐHH. Nếu đề tài này được nghiên cứu trên một diện rộng hơn nữa về phạm vi lẫn khách thể nghiên cứu thì sẽ có những kết quả hữu ích hơn.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Aronson, E., & Patnoe, S. (1997). *The jigsaw classroom: Building cooperation in the classroom* (2nd ed.). New York: Addison Wesley Longman.
- [2] Bouzar, S. (2019) Issues in Teaching Speaking to EFL Learners. *Education and Linguistics Research*. 5(1). 70-79
- [3] Bygate, M. (1987). *Speaking*. Oxford: Oxford University Press.
- [4] Community Tool Box (n.d.). Chapter 16. Group Facilitation and Problem-Solving. Retrieved from: <https://ctb.ku.edu/en/table-of-contents/leadership/group-facilitation>
- [5] Gokhale, A. A. (1995). Collaborative Learning Enhances Critical Thinking. *Journal of Technology Education*, 7, 22-30.
- [6] Johnson, D. W. & Johnson, R. T. (1990). What is Cooperative Learning? In M. Brubacher, R. Payne & K. Rickett (Eds.), *Perspectives on Small Group Learning: Theory & Practice*, Ontario: Rubicon Publishing Inc, 68-79.
- [7] Nuraini, K. (2016). The Barriers of Teaching Speaking English for EFL Learners. *Journal of English Language, Literature, and Teaching*. 1(1), 7-13.
- [8] Khamkhen, A. (2010). Factors affecting language learning strategy reported usage by Thai and Vietnamese EFL learners. *Electronic Journal of Foreign Language Teaching*. 7(1), 66-85.
- [9] Nguyễn Thị Hồng Nam (2006). *Tổ chức học hợp tác trong dạy học Ngữ văn*. Cần Thơ: Trường Đại học Cần Thơ
- [10] Slavin, R. E. (1996). Research on cooperative learning and achievement: What we know, what we need to know. *Contemporary Educational Psychology*, 21, 43-69.
- [11] Slavin, R. E. (2000). *Cooperative learning: Theory, research, and practice*. Boston, MA: Allyn and Bacon.



**THE IMPACTS OF GROUP WORK ACTIVITIES ON STUDENTS'  
PARTICIPATION IN SPEAKING CLASSES FOR FIRST-YEAR ENGLISH  
MAJORS AT UNIVERSITY OF FOREIGN LANGUAGES, HUE UNIVERSITY**

VO THI THUY CHUNG

*Hue University of Foreign Languages, Hue University*

**Abstract:** *English is the most common and popular language in the world today. In particular, English is always considered as a compulsory subject and is present in all training programs and examinations in Vietnam. However, the English ability of students after graduation is generally still not good, especially speaking skill. This study investigates the impacts of group work activities on students' participation in speaking classes by first-year English majors at Hue University of Foreign Languages, Hue University. Data for the study was collected via the questionnaire survey and classroom observation. The findings indicated that lecturers at the University of Foreign Languages, Hue University managed to apply different models of groupwork in teaching speaking. The students, however, do not really like groupwork, and their efficiency was not high. The contribution to the speaking tasks was still unequal among group members. The findings have some implications for using groupwork in teaching and learning speaking skill at the institution as well as others with similar training programmes.*

**Key words:** *Speaking, English, Group work activities, First-year students.*